

Bản án số: 102/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25-8- 2022

V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phan Văn Dân

2/ Bà Trần Thị Quế Minh

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2022/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Linh E, sinh năm: 1993 (Có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 14, ấp Tân L, xã Tân P, huyện C, An Giang

2.*Bị đơn:* Anh Bùi Văn H, sinh năm: 1984 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 14, ấp Tân L, xã Tân P, huyện C, An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng ngày 21/3/2022, nguyên đơn chị Lê Thị Linh E trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn H quen biết, tìm hiểu nhau và cùng thống nhất đi đến hôn nhân vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú, huyện Châu Thành, An Giang. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 01/KH, ngày 31/01/2012. Sau khi kết hôn chị và anh H về chung sống với gia đình cha mẹ chồng. Đến năm 2013 có nhà ra riêng, cất trên đất của cha mẹ của chị. Chị và anh H sống êm ấm được khoảng 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong cuộc sống anh H sinh ra ăn chơi, nhậu nhẹt thường xuyên, lại ham mê cờ bạc gây nợ nần, không chăm lo gì đến gia đình vợ con.. Từ đó dẫn đến bất đồng trong tình cảm vợ chồng, không còn tôn trọng nhau, không tin tưởng nhau nữa.

Nên chị và anh H luôn bất hòa, gia đình không còn êm ấm. Từ tháng 11 năm 2020 chị và anh H không còn chung sống với nhau nữa. Chị và anh H ly thân nhau đến nay được 15 tháng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục xây dựng gia đình hạnh phúc dài lâu được nữa. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Bùi Văn H.

- *Về con chung*: Có 03 con chung tên là Bùi Thị Tuyết N, sinh ngày 18/01/2010, Bùi Thị D, sinh ngày 27/9/2013 và Bùi Văn T, sinh ngày 30/8/2017. Hiện các cháu đang sống với chị E Sau ly hôn chị Em thì được tiếp tục nuôi cháu Nhi, cháu Diễm, cháu Thông, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ở Tòa ngày 13/5/2022 bị đơn anh Bùi Văn H trình bày:

-Về hôn nhân: Anh thống nhất phần trình bày của chị Linh E về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Phú, huyện Châu Thành, An Giang. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị E muốn làm việc gì thì tự ý làm, đi đâu thì tự ý đi không bàn bạc hay cho anh biết, chị E thường bỏ nhà đi nhiều lần từ tháng 11 năm 2020 chị E bỏ nhà đi cho đến nay. Hiện tại anh xác định còn thương chị Linh E, anh yêu cầu Tòa án cho anh thêm thời gian để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Linh E, anh xin thời gian 2 tháng.

-Về con chung: Có 03 con chung tên là Bùi Thị Tuyết N, sinh ngày 18/01/2010, Bùi Thị D, sinh ngày 27/9/2013 và Bùi Văn T, sinh ngày 30/8/2017. Hiện các cháu đang sống với anh. Sau ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N, cháu D, cháu T, anh không yêu cầu chị E cấp dưỡng nuôi con

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Bùi Văn H là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh H vẫn vắng mặt không lý do. Còn chị Lê Thị Linh E có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Lê Thị Linh E và anh Bùi Văn H theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Linh E và anh Bùi Văn H kết hôn với nhau vào năm 2009, hôn nhân do quen biết, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Phú, huyện Châu Thành, An Giang. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo đơn chị Linh E trình bày sau khi kết hôn chị và anh H về chung sống với gia đình cha mẹ chồng. Đến năm 2013 có nhà ra riêng, cất trên đất của cha mẹ của chị. Chị và anh H sống êm ấm được khoảng 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong cuộc sống anh H sinh ra ăn chơi, nhậu nhẹt thường xuyên, lại ham mê cờ bạc gây nợ nần, không chăm lo gì đến gia đình vợ con.. Từ đó dẫn đến bất đồng trong tình cảm vợ chồng, không còn tôn trọng nhau, không tin tưởng nhau nữa. Nên chị và anh H luôn bất hòa, gia đình không còn êm ấm. Từ tháng 11 năm 2020 chị và anh H không còn chung sống với nhau nữa. Chị và anh H ly thân nhau đến nay được 15 tháng. Còn anh H thì cho rằng mâu thuẫn xảy ra là do trong thời gian chung sống chị E muốn làm việc gì thì tự ý làm, đi đâu thì tự ý đi không bàn bạc hay cho anh biết, chị E thường bỏ nhà đi nhiều lần từ tháng 11 năm 2020 chị E bỏ nhà đi cho đến nay. Hiện tại anh xác định còn thương chị Linh E , anh yêu cầu Tòa án cho anh thêm thời gian để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Linh E, anh xin thời gian 2 tháng. Xét thấy với thời gian chung sống hai bên đã phát sinh mâu thuẫn nhưng cả hai không tìm ra biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng dẫn đến vợ chồng ngày càng thêm mâu thuẫn. Trong thời gian ly thân hai bên không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng, thời gian Tòa án cho hai bên có thêm thời gian đoàn tụ hàn gắn nhưng chị E và anh H cũng không đoàn tụ hàn gắn được. Hiện tại chị E xác định không còn tình cảm với anh H. Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị E cũng giữ nguyên phần trình bày trong đơn là chị vẫn cương quyết xin ly hôn. Do đó, hôn nhân của chị E và anh H không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị E , là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Có 03 con chung tên là Bùi Thị Tuyết N , sinh ngày 18/01/2010, Bùi Thị D , sinh ngày 27/9/2013 và Bùi Văn T , sinh ngày 30/8/2017. Hiện cháu đang sống với anh H . Sau ly hôn chị Linh E và anh H cùng có yêu cầu nuôi dưỡng các cháu N, cháu D , cháu T , không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy cháu N, cháu D, cháu T theo chị Linh E trình bày từ nhỏ các cháu đã sống với chị E, thời gian gần đây thì mới sống cùng với anh H. Ngoài ra tại biên bản lấy lời cùng ngày 13/5/2022 cháu N, cháu D đều trình bày có nguyện vọng sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Xét theo nguyện vọng của cháu N, cháu D và cháu T còn nhỏ cũng cần có mẹ chăm sóc. Do đó để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu, nghĩ nên để chị Linh E được tiếp tục nuôi các cháu N, cháu D, cháu T là phù hợp, anh H không cấp dưỡng nuôi con. Chị Linh E phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh H được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai cản trở khi anh thực hiện quyền này.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị Lê Thị Linh E trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về án phí: Do yêu cầu của Chị Lê Thị Linh E được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 9, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân gia đình 2014, các điều 28, 35, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị Linh E . Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Linh E và anh Bùi Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 04/KH, ngày 31/01/2012 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Châu Thành, An Giang không còn giá trị pháp lý.

2.Về con chung: Có 03 con chung tên là Bùi Thị Tuyết N , sinh ngày 18/01/2010, Bùi Thị D , sinh ngày 27/9/2013 và Bùi Văn T , sinh ngày 30/8/2017. Hiện cháu đang sống với chị E Sau ly hôn chị E thì được tiếp tục nuôi cháu N , cháu D , cháu T, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị E phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh H được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc cháu , không ai được cản trở khi anh thực hiện quyền này

3.Về tài sản và nợ chung: Chị Bùi Thị Linh E trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4.Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Linh E phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003112 ngày 20/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

5.Về kháng cáo: Chị Lê Thị Linh E và anh Bùi Văn H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Dung